

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Như Ý

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Bách Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên họp: Ông Trần Xuân Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 95/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Tạ Thị H, sinh năm 1986

ĐKHKT: Số nhà 40, Tổ 7, phố Hòa Bình, phường Bến Gót, thành phố T, tỉnh A.

- Anh Đỗ Mạnh C – sinh năm 1987

ĐKHKT: Số nhà 40, Tổ 7, phố Hòa Bình, phường Bến Gót, thành phố T, tỉnh A.

Địa chỉ hiện tại: Japan, Gunmaken, Midori shi, Kasakakechou, Kugu 339-3, HT 379-2312

(Anh C, chị H đều đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 09/11/2022 và các lời khai tiếp theo, chị Tạ Thị H và anh Đỗ Mạnh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị H, anh C đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 26/12/2008 tại UBND phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh A. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, hai

vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản không về nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hơn nữa, do khoảng cách về địa lý nên vợ chồng không có điều kiện chăm sóc nhau, hai bên cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị H, anh C đã nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H, anh C thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Trang Anh, sinh ngày 03/10/2009. Khi ly hôn, chị H và anh C thống nhất thỏa thuận cháu Trang Anh sẽ do chị Tạ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động. Anh Đỗ Mạnh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000đ/tháng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: chị H, anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí, lệ phí, chi phí tố tụng khác: Chị Tạ Thị H tự nguyện chịu toàn bộ.

Chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; chị H, anh C đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh chị.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng ngày 01/12/2022 cháu Đỗ Trang Anh trình bày:

Cháu là con bố C, mẹ H. Cháu có được biết việc bố mẹ đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án và nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ vì hiện nay cháu đang sống cùng với mẹ.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung việc dân sự: Căn cứ Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 55, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tạ Thị H và anh Đỗ Mạnh C; Về con chung: Giao cháu Đỗ Trang Anh, sinh ngày 03/10/2009 cho chị Tạ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đỗ Mạnh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000đ/tháng (*Hai triệu đồng*) kể từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung trưởng thành, lao động tự túc được; Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không xem xét, giải quyết trong vụ việc này;

- Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Tạ Thị H chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A, Tòa án nhân dân tỉnh A nhận định:

[1] Về tố tụng: chị H, anh C đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 7, phố Hòa Bình, phường Bến Gót, thành phố T, tỉnh A. Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự do anh C gửi từ Nhật Bản về Việt Nam, có xác nhận của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản, do đó xác định anh C hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh A thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng thẩm quyền.

Chị Hương đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, chị H, anh C đều đề nghị giải quyết vắng mặt anh chị nên Tòa án không tiến hành hòa giải và mở phiên họp vắng mặt anh chị là đúng quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị H, anh C đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 26/12/2008 tại UBND phường Bến Gót, thành phố T, tỉnh A là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C đi nước ngoài, có khoảng cách về địa lý nên vợ chồng không có điều kiện chăm sóc nhau, không có thời gian chăm sóc con cái, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh chị đã nhiều lần cố gắng tìm tiếng nói chung để hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn của chị H, anh C là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xác định chị H, anh C có 01 con chung là cháu Đỗ Trang Anh, sinh ngày 03/10/2009. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận con chung do chị Tạ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động. Anh Đỗ Mạnh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc thỏa thuận về người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và cấp dưỡng nuôi con chung giữa hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo được quyền và lợi ích chính đáng của con chung nên cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: chị H, anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Tạ Thị H tự nguyện là người chịu toàn bộ lệ phí, cần được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H, anh C.

[2] Về con chung: Công nhận thỏa thuận về nuôi con giữa chị H, anh C. Chị Tạ Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Trang Anh, sinh ngày 03/10/2009 cho đến khi thành niên, có khả năng lao động. Anh Đỗ Mạnh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000đ/tháng (*Hai triệu đồng*) kể từ tháng 12/2022 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Đỗ Mạnh C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: chị H, anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Tạ Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000359 ngày 22/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh A.

[5] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND phường Bến Gót;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Đỗ Ngọc Tuấn